

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2017/HSST
Ngày 15/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Lai

Bà Lê Thị Xuân

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Văn Quang- Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Loan - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 123/2017/TLST-HS ngày 11/8/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2017/HSST-QĐ ngày 01/9/2017 đối với bị cáo:

Phạm Văn S, sinh năm 1988

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân

Con ông Phạm Văn M, sinh năm 1957

Con bà Vũ Thị H, sinh năm 1960

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai

Có vợ Nguyễn Thị M, sinh năm 1991.

Có 01 con sinh năm 2017

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Anh Lê Bá H, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 7, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 27/5/2017, Phạm Văn S đến phòng trọ của anh Lê Bá H, ở thôn Đ, xã N, huyện T lên lút đột nhập vào phòng lấy trộm 01 thẻ rút tiền ATM có số tài khoản 0351000866390 tại Ngân hàng Vietcombank của anh Lê Bá H, sau đó S đi đến cây rút tiền ATM của ngân hàng Vietcombank đặt ở đường TS11 – KCN T, thực hiện 02 giao dịch rút tiền trong tài khoản được 4.500.000đ. Tiếp đến ngày 31/5/2017 S đi đến cây rút tiền ATM của ngân hàng Techcombank ở đường L, thị trấn L, huyện T thực hiện 03 giao dịch rút tiền trong tài khoản được 5.500.000đ. Tổng cộng S rút được 10.000.000đ

Bản Cáo trạng số 88/CTr- VKS ngày 09/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo Phạm Văn S ra trước Tòa án nhân dân huyện Tiên Du về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo S khai nhận: Bị cáo và anh H làm cùng công ty và có thời gian ở trọ cùng nhau nên bị cáo biết anh H thường để giấy tờ và thẻ ATM ở tại phòng trọ. Khoảng 7 giờ S ngày 27/5/2017 bị cáo biết anh H đi làm và cửa phòng anh H bị hỏng không cần chìa khóa cũng mở được cửa, bị cáo đến phòng trọ của anh H dùng tay giật mạnh ổ khóa làm khóa bật chốt bị cáo vào phòng lục tìm tài sản trộm cắp thì thấy chiếc thẻ ATM mang tên Lê Bá H, trước đó bị cáo biết mật khẩu của thẻ. Bị cáo liền lấy chiếc thẻ và đi về phòng bị cáo sau đó đi xe máy BKS 36B3 – 684.97 ra khu công nghiệp T vào cây ATM của ngân hàng Vietcombank rút tiền, lần một rút được 3.000.000đ, lần hai rút được 1.500.000đ. Tổng hai lần rút được 4.500.000đ. Đến ngày 31/5/2017 do biết công ty trả lương vào tài khoản của công nhân bị cáo mang thẻ ra cây ATM của ngân hàng Techcombank ở đường L, thị trấn L, huyện T rút tiền 03 lần , lần một được 2.000.000đ, lần 2 được 2.000.000đ, lần 3 được 1.500.000đ. Tổng 3 lần rút được 5.500.000đ. Tổng số tiền trong các lần rút là 10.000.000đ. Số tiền này bị cáo trả tiền thuê nhà trọ cho bà Nguyễn Thị N hết 1.200.000đ và chuyển cho anh Nguyễn Ngọc Th 2.000.000đ nhờ anh Th đưa cho vợ bị cáo. Còn lại tiền bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Chiếc thẻ ATM của anh H bị cáo vứt ở đâu không nhớ.

Người bị hại anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, lời trình bày tại cơ quan điều tra thể hiện : Anh và S là bạn bè thân thiết cùng làm công ty và cùng thuê trọ tại thôn Đ, xã N, huyện T. Khoảng giữa tháng 5/2017 S chuyển đi thuê trọ chỗ khác. S ngày 27/5/2017 bị cáo S đột nhập vào phòng trọ của anh lấy trộm của anh 01 thẻ rút tiền ATM mà công ty làm và trả lương hàng tháng vào thẻ, anh mất tổng cộng là 10.000.000đ. Nay S và gia đình đã trả lại đầy đủ số tiền nên anh không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự . Về trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho S.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Ngọc Th và chị Nguyễn Thị M tại phiên tòa đều thừa nhận S có chuyển qua anh Th để đưa cho chị M 2.000.000đ. Khi đó anh Th và chị M đều không biết đó là tiền S trộm cắp được

mà có. Khi bị phát hiện hành vi trộm cắp S có tác động đến gia đình để bồi thường cho anh H. Nay anh chị xác định số tiền bồi thường cho anh H là tự nguyện thay S và không có yêu cầu gì.

Bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt, lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện S có trả bà 1.200.000đ tiền thuê nhà trọ, bà không biết số tiền này do S trộm cắp mà có, khi biết bà đã nộp lại số tiền trên tại Cơ quan điều tra để trả lại cho anh H. Nay bà không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo Cáo trạng số 88/CTr- VKS ngày 09/8/2017. Trong phần luận tội đã phân tích nguyên nhân , tính chất, mức độ nguy hiểm , vai trò cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự. Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ đến 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đề cập giải quyết

Bị cáo sau khi nghe luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du thừa nhận có tội, không tranh luận mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có ý kiến gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 27/5/2017, Phạm Văn S lén lút đột nhập vào phòng trọ của anh Lê Bá H, ở thôn Đ, xã N, huyện T lấy trộm 01 thẻ rút tiền ATM có số tài khoản 0351000866390 tại Ngân hàng Vietcombank Sau đó bị cáo đi rút tiền. Tổng số các lần rút được 10.000.000đ. Như vậy hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra còn gây mất trật tự trị an, hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân nơi xảy ra tội phạm. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Đây là lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo và gia đình đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo được tặng thưởng huân chương chiến công hạng ba do vậy cần áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Khoản 3 Điều 7 cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo hưởng lương khoan hồng của pháp luật, cải tạo tại địa phương cũng có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, hoàn cảnh gia đình và tài sản riêng của bị cáo. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự : Người bị hại đã nhận lại tài sản đến nay không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Liên quan trong vụ án này có anh Nguyễn Ngọc Th đã nhận số tiền 2.000.000đ do S chuyển và bà Nguyễn Thị N nhận số tiền 1.200.000đ S trả. Anh Th và bà N không biết là do S trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave S màu đỏ - đen BKS 36B3 – 684.97 S sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản là xe thuộc sở hữu hợp pháp của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991 là vợ của S. Chị M không biết S dụng chiếc xe để đi trộm cắp tài sản, nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị M là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự. Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật

hình sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn S 8 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Tiên Du;
- Công an huyện Tiên Du;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- Những NTGTT;
- Lưu HS, VP;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trọng Trường